

Số/No: 26/M3/0001-01

Trang/Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

- Tên mẫu thử/ Name of sample:** Ống nhựa xoắn HDPE Ba An BFP 25/
Ba An HDPE Flexible Pipe BFP 25
- Khách hàng/ Customer :** Công ty Cổ phần Ba An/ Ba An Joint Stock Company
- Số lượng mẫu/ Quantity:** 01 mẫu/ 01 sample
- Ngày nhận mẫu/ Reception date:** 05/ 01/ 2026
- Tình trạng mẫu/ Description:** 01 đoạn ống nhựa dài 1,2 mét
- Thời gian thử nghiệm/ Test period:** Từ ngày 06/ 01/ 2026 đến ngày 16/ 01/ 2026
- Ngày hoàn thành/Finish date:** 16/ 01/ 2026

TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG/
HEAD OF CONSUMER PRODUCTS TESTING LAB


Phạm Thúy Hằng

Hà Nội, ngày 16/ 01/ 2026
15 GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR



PHÓ GIÁM ĐỐC
Đặng Thanh Tùng

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN\BM\05.3-01

Trang/Page: 2/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

STT No	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Results
1	Kích thước cơ bản/ Basic dimentions - Đường kính ngoài/ Outside diameter - Đường kính trong/ Inside diameter	mm mm	TCVN 8699: 2011	31,5 25,2
2	Độ bền kéo đứt/ Tensile strength at break	N/cm ²	KSC 8455: 2005	2037
3	Độ bền màu/ Resistance to color NaOH 40%; NaCl 10% H ₂ SO ₄ 30%; HNO ₃ 30%		TCVN 8699: 2011	Không phai màu/ No change color
4	Độ bền nén / Compression strength		TCVN 8699: 2011	Độ biến dạng 3,2%/ Deformation 3,2% (Không nứt vỡ/ No cracking)
5	Lực đạt được khi nén mẫu biến dạng 60% đường kính ngoài/ Force measured when compressed to 60% of outside diameter	N	TCVN 8699: 2011	2645
6	Lực đạt được khi nén sát ống/ Force measured when compressed to close tube	N	TCVN 8699: 2011	3631
7	Độ bền điện áp tần số công nghiệp tại 10 kV/1 phút/ Tolerance voltage 10 kV/1 phút		TCVN 8699: 2011	Không bị phóng điện đánh thủng/ No punctured
8	Độ bền va đập ở 20°C/ Resitance to impact (h=2m; m = 1,25 kg)		Theo yêu cầu khách hàng/ Customer request	Không vỡ/ No breaking



*** Hết ***



- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN3/0001-02

Trang/Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

- Tên mẫu thử/ Name of sample:** Ống nhựa xoắn HDPE Ba An BFP 30/
Ba An HDPE Flexible Pipe BFP 30
- Khách hàng/ Customer :** Công ty Cổ phần Ba An/ Ba An Joint Stock Company
- Số lượng mẫu/ Quantity:** 01 mẫu/ 01 sample
- Ngày nhận mẫu/ Reception date:** 05/ 01/ 2026
- Tình trạng mẫu/ Description:** 01 đoạn ống nhựa dài 1,2 mét
- Thời gian thử nghiệm/ Test period:** Từ ngày 06/ 01/ 2026 đến ngày 16/ 01/ 2026
- Ngày hoàn thành/Finish date:** 16/ 01/ 2026

TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG/
HEAD OF CONSUMER PRODUCTS TESTING LAB


Phạm Thúy Hằng

Hà Nội, ngày 16/ 01/ 2026
15 GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR



PHÓ GIÁM ĐỐC
Đặng Thanh Tùng

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

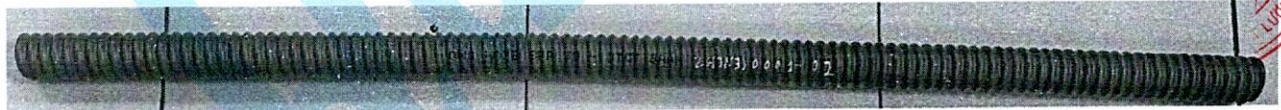
Số/No: 26/ĐV3/0001-02

Trang/Page: 2/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

STT No	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Results
1	Kích thước cơ bản/ <i>Basic dimentions</i> - Đường kính ngoài/ <i>Outside diameter</i> - Đường kính trong/ <i>Inside diameter</i>	mm mm	TCVN 8699: 2011	39,5 29,8
2	Độ bền kéo đứt/ <i>Tensile strength at break</i>	N/cm ²	KSC 8455: 2005	2050
3	Độ bền màu/ <i>Resistance to color</i> NaOH 40%; NaCl 10% H ₂ SO ₄ 30%; HNO ₃ 30%		TCVN 8699: 2011	Không phai màu/ <i>No change color</i>
4	Độ bền nén / <i>Compression strength</i>		TCVN 8699: 2011	Độ biến dạng 2,3%/ <i>Deformation 2,3%</i> (Không nứt vỡ/ <i>No cracking</i>)
5	Lực đạt được khi nén mẫu biến dạng 60% đường kính ngoài/ <i>Force measured when compressed to 60% of outside diameter</i>	N	TCVN 8699: 2011	3368
6	Lực đạt được khi nén sát ống/ <i>Force measured when compressed to close tube</i>	N	TCVN 8699: 2011	4578
7	Độ bền điện áp tần số công nghiệp tại 10 kV/1 phút/ <i>Tolerance voltage 10 kV/1 phút</i>		TCVN 8699: 2011	Không bị phóng điện đánh thủng/ <i>No punctured</i>
8	Độ bền va đập ở 20°C/ <i>Resistance to impact</i> (<i>h=2m; m = 1,375 kg</i>)		Theo yêu cầu khách hàng/ <i>Customer request</i>	Không vỡ/ <i>No breaking</i>



*** Hết ***

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/JNV3/10001-03

Trang/Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

- Tên mẫu thử/ Name of sample:** Ống nhựa xoắn HDPE Ba An BFP 40/
Ba An HDPE Flexible Pipe BFP 40
- Khách hàng/ Customer :** Công ty Cổ phần Ba An/ Ba An Joint Stock Company
- Số lượng mẫu/ Quantity:** 01 mẫu/ 01 sample
- Ngày nhận mẫu/ Reception date:** 05/ 01/ 2026
- Tình trạng mẫu/ Description:** 01 đoạn ống nhựa dài 1,2 mét
- Thời gian thử nghiệm/ Test period:** Từ ngày 06/ 01/ 2026 đến ngày 16/ 01/ 2026
- Ngày hoàn thành/Finish date:** 16/ 01/ 2026

TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG/
HEAD OF CONSUMER PRODUCTS TESTING LAB


Phạm Thúy Hằng

Hà Nội, ngày 16/ 01/ 2026
15 GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR



PHÓ GIÁM ĐỐC
Dặng Thanh Tùng

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN/3/00.01-03

Trang/Page: 2/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

STT No	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Results
1	Kích thước cơ bản/ Basic dimentions - Đường kính ngoài/ Outside diameter - Đường kính trong/ Inside diameter	mm mm	TCVN 8699: 2011	49,2 39,5
2	Độ bền kéo đứt/ Tensile strength at break	N/cm ²	KSC 8455: 2005	2060
3	Độ bền màu/ Resistance to color NaOH 40%; NaCl 10% H ₂ SO ₄ 30%; HNO ₃ 30%		TCVN 8699: 2011	Không phai màu/ No change color
4	Độ bền nén / Compression strength		TCVN 8699: 2011	Độ biến dạng 2,5%/ Deformation 2,5% (Không nứt vỡ/ No cracking)
5	Lực đạt được khi nén mẫu biến dạng 60% đường kính ngoài/ Force measured when compressed to 60% of outside diameter	N	TCVN 8699: 2011	3373
6	Lực đạt được khi nén sát ống/ Force measured when compressed to close tube	N	TCVN 8699: 2011	4585
7	Độ bền điện áp tần số công nghiệp tại 10 kV/1 phút/ Tolerance voltage 10 kV/1 phút		TCVN 8699: 2011	Không bị phóng điện đánh thủng/ No punctured
8	Độ bền va đập ở 20°C/ Resitance to impact (h=2m; m = 1,5 kg)		Theo yêu cầu khách hàng/ Customer request	Không vỡ/ No breaking



*** Hết ***

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/M3/0001-04

Trang/Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

- Tên mẫu thử/ Name of sample:** Ống nhựa xoắn HDPE Ba An BFP 50/
Ba An HDPE Flexible Pipe BFP 50
- Khách hàng/ Customer :** Công ty Cổ phần Ba An/ Ba An Joint Stock Company
- Số lượng mẫu/ Quantity:** 01 mẫu/ 01 sample
- Ngày nhận mẫu/ Reception date:** 05/ 01/ 2026
- Tình trạng mẫu/ Description:** 01 đoạn ống nhựa dài 1,2 mét
- Thời gian thử nghiệm/ Test period:** Từ ngày 06/ 01/ 2026 đến ngày 16/ 01/ 2026
- Ngày hoàn thành/ Finish date:** 16/ 01/ 2026

Hà Nội, ngày 16/ 01/ 2026

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR

TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG/
HEAD OF CONSUMER PRODUCTS TESTING LAB

Phạm Thúy Hằng



PHÓ GIÁM ĐỐC
Đặng Thanh Tùng

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

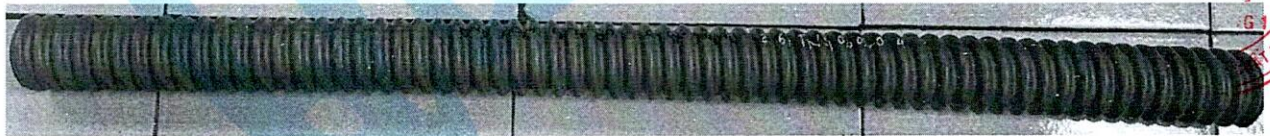
Số/No: 26/TN 3/0001-04

Trang/Page: 2/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

STT No	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Results
1	Kích thước cơ bản/ Basic dimensions - Đường kính ngoài/ Outside diameter - Đường kính trong/ Inside diameter	mm mm	TCVN 8699: 2011	64,5 50,3
2	Độ bền kéo đứt/ Tensile strength at break	N/cm ²	KSC 8455: 2005	2065
3	Độ bền màu/ Resistance to color NaOH 40%; NaCl 10% H ₂ SO ₄ 30%; HNO ₃ 30%		TCVN 8699: 2011	Không phai màu/ No change color
4	Độ bền nén / Compression strength		TCVN 8699: 2011	Độ biến dạng 2,5%/ Deformation 2,5% (Không nứt vỡ/ No cracking)
5	Lực đạt được khi nén mẫu biến dạng 60% đường kính ngoài/ Force measured when compressed to 60% of outside diameter	N	TCVN 8699: 2011	3756
6	Lực đạt được khi nén sát ống/ Force measured when compressed to close tube	N	TCVN 8699: 2011	4819
7	Độ bền điện áp tần số công nghiệp tại 10 kV/1 phút/ Tolerance voltage 10 kV/1 phút		TCVN 8699: 2011	Không bị phóng điện đánh thủng/ No punctured
8	Độ bền va đập ở 20°C/ Resistance to impact (h=2m; m = 1,75 kg)		Theo yêu cầu khách hàng/ Customer request	Không vỡ/ No breaking



*** Hết ***

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN/1/0001-05

Trang/Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

- Tên mẫu thử/ Name of sample:** Ống nhựa xoắn HDPE Ba An BFP 65/
Ba An HDPE Flexible Pipe BFP 65
- Khách hàng/ Customer :** Công ty Cổ phần Ba An/ Ba An Joint Stock Company
- Số lượng mẫu/ Quantity:** 01 mẫu/ 01 sample
- Ngày nhận mẫu/ Reception date:** 05/ 01/ 2026
- Tình trạng mẫu/ Description:** 01 đoạn ống nhựa dài 1,2 mét
- Thời gian thử nghiệm/ Test period:** Từ ngày 06/ 01/ 2026 đến ngày 16/ 01/ 2026
- Ngày hoàn thành/ Finish date:** 16/ 01/ 2026

TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG/
HEAD OF CONSUMER PRODUCTS TESTING LAB


Phạm Thúy Hằng

Hà Nội, ngày 16/ 01/ 2026
15 GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR



PHÓ GIÁM ĐỐC
Dặng Thanh Tùng

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN 3/10001-05

Trang/Page: 2/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

STT No	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Results
1	Kích thước cơ bản/ Basic dimensions - Đường kính ngoài/ Outside diameter - Đường kính trong/ Inside diameter	mm mm	TCVN 8699: 2011	85,1 65,2
2	Độ bền kéo đứt/ Tensile strength at break	N/cm ²	KSC 8455: 2005	2058
3	Độ bền màu/ Resistance to color NaOH 40%; NaCl 10% H ₂ SO ₄ 30%; HNO ₃ 30%		TCVN 8699: 2011	Không phai màu/ No change color
4	Độ bền nén / Compression strength		TCVN 8699: 2011	Độ biến dạng 3,1%/ Deformation 3,1% (Không nứt vỡ/ No cracking)
5	Lực đạt được khi nén mẫu biến dạng 60% đường kính ngoài/ Force measured when compressed to 60% of outside diameter	N	TCVN 8699: 2011	3712
6	Lực đạt được khi nén sát ống/ Force measured when compressed to close tube	N	TCVN 8699: 2011	5058
7	Độ bền điện áp tần số công nghiệp tại 10 kV/1 phút/ Tolerance voltage 10 kV/1 phút		TCVN 8699: 2011	Không bị phóng điện đánh thủng/ No punctured
8	Độ bền va đập ở 20°C/ Resistance to impact (h=2m; m = 2,25 kg)		Theo yêu cầu khách hàng/ Customer request	Không vỡ/ No breaking



*** Hết ***

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26 / TN 1 / 0001-06

Trang/Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

- Tên mẫu thử/ Name of sample: Ống nhựa xoắn HDPE Ba An BFP 72/
Ba An HDPE Flexible Pipe BFP 72
- Khách hàng/ Customer : Công ty Cổ phần Ba An/ Ba An Joint Stock Company
- Số lượng mẫu/ Quantity: 01 mẫu/ 01 sample
- Ngày nhận mẫu/ Reception date: 05/ 01/ 2026
- Tình trạng mẫu/ Description: 01 đoạn ống nhựa dài 1,2 mét
- Thời gian thử nghiệm/ Test period: Từ ngày 06/ 01/ 2026 đến ngày 16/ 01/ 2026
- Ngày hoàn thành/ Finish date: 16/ 01/ 2026

Hà Nội, ngày 16/ 01/ 2026

17 GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR

TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG/
HEAD OF CONSUMER PRODUCTS TESTING LAB

Phạm Thúy Hằng
Phạm Thúy Hằng



PHÓ GIÁM ĐỐC
Dặng Thanh Tùng

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN\3\0001-06

Trang/Page: 2/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

STT No	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Results
1	Kích thước cơ bản/ Basic dimensions - Đường kính ngoài/ Outside diameter - Đường kính trong/ Inside diameter	mm mm	TCVN 8699: 2011	92,5 71,9
2	Độ bền kéo đứt/ Tensile strength at break	N/cm ²	KSC 8455: 2005	2069
3	Độ bền màu/ Resistance to color NaOH 40%; NaCl 10% H ₂ SO ₄ 30%; HNO ₃ 30%		TCVN 8699: 2011	Không phai màu/ No change color
4	Độ bền nén / Compression strength		TCVN 8699: 2011	Độ biến dạng 2,6%/ Deformation 2,6% (Không nứt vỡ/ No cracking)
5	Lực đạt được khi nén mẫu biến dạng 60% đường kính ngoài/ Force measured when compressed to 60% of outside diameter	N	TCVN 8699: 2011	4168
6	Lực đạt được khi nén sát ống/ Force measured when compressed to close tube	N	TCVN 8699: 2011	5256
7	Độ bền điện áp tần số công nghiệp tại 10 kV/1 phút/ Tolerance voltage 10 kV/1 phút		TCVN 8699: 2011	Không bị phóng điện đánh thủng/ No punctured
8	Độ bền va đập ở 20°C/ Resistance to impact (h=2m; m = 2,25 kg)		Theo yêu cầu khách hàng/ Customer request	Không vỡ No breaking



*** Hết ***

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN3/0001-07

Trang/Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

- Tên mẫu thử/ Name of sample:** Ống nhựa xoắn HDPE Ba An BFP 80/
Ba An HDPE Flexible Pipe BFP 80
- Khách hàng/ Customer :** Công ty Cổ phần Ba An/ Ba An Joint Stock Company
- Số lượng mẫu/ Quantity:** 01 mẫu/ 01 sample
- Ngày nhận mẫu/ Reception date:** 05/ 01/ 2026
- Tình trạng mẫu/ Description:** 01 đoạn ống nhựa dài 1,2 mét
- Thời gian thử nghiệm/ Test period:** Từ ngày 06/ 01/ 2026 đến ngày 16/ 01/ 2026
- Ngày hoàn thành/ Finish date:** 16/ 01/ 2026

TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG/
HEAD OF CONSUMER PRODUCTS TESTING LAB


Phạm Thúy Hằng

Hà Nội, ngày 16/ 01/ 2026

15 GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR



PHÓ GIÁM ĐỐC
Đặng Thanh Hùng

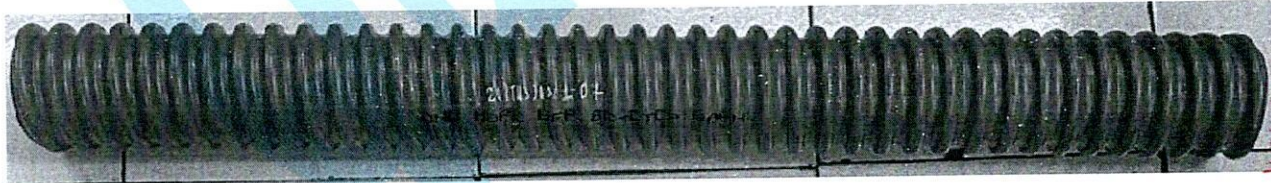
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN\3/0001 - 07

Trang/Page: 2/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

STT No	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Results
1	Kích thước cơ bản/ <i>Basic dimentions</i> - Đường kính ngoài/ <i>Outside diameter</i> - Đường kính trong/ <i>Inside diameter</i>	mm mm	TCVN 8699: 2011	104,2 80,1
2	Độ bền kéo đứt/ <i>Tensile strength at break</i>	N/cm ²	KSC 8455: 2005	2084
3	Độ bền màu/ <i>Resistance to color</i> NaOH 40%; NaCl 10% H ₂ SO ₄ 30%; HNO ₃ 30%		TCVN 8699: 2011	Không phai màu/ <i>No change color</i>
4	Độ bền nén / <i>Compression strength</i>		TCVN 8699: 2011	Độ biến dạng 2,6%/ <i>Deformation 2,6%</i> (Không nứt vỡ/ <i>No cracking</i>)
5	Lực đạt được khi nén mẫu biến dạng 60% đường kính ngoài/ <i>Force measured when compressed to 60% of outside diameter</i>	N	TCVN 8699: 2011	4252
6	Lực đạt được khi nén sát ống/ <i>Force measured when compressed to close tube</i>	N	TCVN 8699: 2011	5557
7	Độ bền điện áp tần số công nghiệp tại 10 kV/1 phút/ <i>Tolerance voltage 10 kV/1 phút</i>		TCVN 8699: 2011	Không bị phóng điện đánh thủng/ <i>No punctured</i>
8	Độ bền va đập ở 20°C/ <i>Resitance to impact</i> (h=2m; m = 2,75 kg)		Theo yêu cầu khách hàng/ <i>Customer request</i>	Không vỡ/ <i>No breaking</i>



*** Hết ***

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN/3/0001-08

Trang/Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

- Tên mẫu thử/ Name of sample: Ống nhựa xoắn HDPE Ba An BFP 90/
Ba An HDPE Flexible Pipe BFP 90
- Khách hàng/ Customer : Công ty Cổ phần Ba An/ Ba An Joint Stock Company
- Số lượng mẫu/ Quantity: 01 mẫu/ 01 sample
- Ngày nhận mẫu/ Reception date: 05/ 01/ 2026
- Tình trạng mẫu/ Description: 01 đoạn ống nhựa dài 1,2 mét
- Thời gian thử nghiệm/ Test period: Từ ngày 06/ 01/ 2026 đến ngày 16/ 01/ 2026
- Ngày hoàn thành/ Finish date: 16/ 01/ 2026

TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG/
HEAD OF CONSUMER PRODUCTS TESTING LAB

Phạm Thúy Hằng
Phạm Thúy Hằng

Hà Nội, ngày 16/ 01/ 2026
17 GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR



PHÓ GIÁM ĐỐC
Dặng Thanh Tùng

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26. /DNV/ 0001-08

Trang/Page: 2/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

STT No	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Results
1	Kích thước cơ bản/ <i>Basic dimentions</i> - Đường kính ngoài/ <i>Outside diameter</i> - Đường kính trong/ <i>Inside diameter</i>	mm mm	TCVN 8699: 2011	110,1 89,8
2	Độ bền kéo đứt/ <i>Tensile strength at break</i>	N/cm ²	KSC 8455: 2005	2081
3	Độ bền màu/ <i>Resistance to color</i> NaOH 40%; NaCl 10% H ₂ SO ₄ 30%; HNO ₃ 30%		TCVN 8699: 2011	Không phai màu/ <i>No change color</i>
4	Độ bền nén / <i>Compression strength</i>		TCVN 8699: 2011	Độ biến dạng 3,1%/ <i>Deformation 3,1%</i> (Không nứt vỡ/ <i>No cracking</i>)
5	Lực đạt được khi nén mẫu biến dạng 60% đường kính ngoài/ <i>Force measured when compressed to 60% of outside diameter</i>	N	TCVN 8699: 2011	4320
6	Lực đạt được khi nén sát ống/ <i>Force measured when compressed to close tube</i>	N	TCVN 8699: 2011	5763
7	Độ bền điện áp tần số công nghiệp tại 10 kV/1 phút/ <i>Tolerance voltage 10 kV/1 phút</i>		TCVN 8699: 2011	Không bị phóng điện đánh thủng/ <i>No punctured</i>
8	Độ bền va đập ở 20°C/ <i>Resitance to impact</i> (<i>h=2m; m = 2,75 kg</i>)		Theo yêu cầu khách hàng/ <i>Customer request</i>	Không vỡ/ <i>No breaking</i>



*** Hết ***

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26 / DV / 0001-09

Trang/Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

- Tên mẫu thử/ Name of sample:** Ống nhựa xoắn HDPE Ba An BFP 100/
Ba An HDPE Flexible Pipe BFP 100
- Khách hàng/ Customer :** Công ty Cổ phần Ba An/ Ba An Joint Stock Company
- Số lượng mẫu/ Quantity:** 01 mẫu/ 01 sample
- Ngày nhận mẫu/ Reception date:** 05/ 01/ 2026
- Tình trạng mẫu/ Description:** 01 đoạn ống nhựa dài 1,2 mét
- Thời gian thử nghiệm/ Test period:** Từ ngày 06/ 01/ 2026 đến ngày 16/ 01/ 2026
- Ngày hoàn thành/ Finish date:** 16/ 01/ 2026

TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG/
HEAD OF CONSUMER PRODUCTS TESTING LAB


Phạm Thúy Hằng

Hà Nội, ngày 16/ 01/ 2026
17 GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR



PHÓ GIÁM ĐỐC
Dặng Thanh Tùng



- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN3/0001-09

Trang/Page: 2/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

STT No	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Results
1	Kích thước cơ bản/ Basic dimensions - Đường kính ngoài/ Outside diameter - Đường kính trong/ Inside diameter	mm mm	TCVN 8699: 2011	129,1 99,7
2	Độ bền kéo đứt/ Tensile strength at break	N/cm ²	KSC 8455: 2005	2065
3	Độ bền màu/ Resistance to color NaOH 40%; NaCl 10% H ₂ SO ₄ 30%; HNO ₃ 30%		TCVN 8699: 2011	Không phai màu/ No change color
4	Độ bền nén / Compression strength		TCVN 8699: 2011	Độ biến dạng 2,5%/ Deformation 2,5% (Không nứt vỡ/ No cracking)
5	Lực đạt được khi nén mẫu biến dạng 60% đường kính ngoài/ Force measured when compressed to 60% of outside diameter	N	TCVN 8699: 2011	5416
6	Lực đạt được khi nén sát ống/ Force measured when compressed to close tube	N	TCVN 8699: 2011	6679
7	Độ bền điện áp tần số công nghiệp tại 10 kV/1 phút/ Tolerance voltage 10 kV/1 phút		TCVN 8699: 2011	Không bị phóng điện đánh thủng/ No punctured
8	Độ bền va đập ở 20°C/ Resistance to impact (h=2m; m = 2,75 kg)		Theo yêu cầu khách hàng/ Customer request	Không vỡ/ No breaking



*** Hết ***

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/MV3/0001-10

Trang/Page: 1/12

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

- Tên mẫu thử/ Name of sample:** Ống nhựa xoắn HDPE Ba An BFP 125/
Ba An HDPE Flexible Pipe BFP 125
- Khách hàng/ Customer :** Công ty Cổ phần Ba An/ Ba An Joint Stock Company
- Số lượng mẫu/ Quantity:** 01 mẫu/ 01 sample
- Ngày nhận mẫu/ Reception date:** 05/ 01/ 2026
- Tình trạng mẫu/ Description:** 01 đoạn ống nhựa dài 1,2 mét
- Thời gian thử nghiệm/ Test period:** Từ ngày 06/ 01/ 2026 đến ngày 16/ 01/ 2026
- Ngày hoàn thành/ Finish date:** 16/ 01/ 2026

Hà Nội, ngày 16/ 01/ 2026

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR

TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG/
HEAD OF CONSUMER PRODUCTS TESTING LAB

Phạm Thúy Hằng



PHÓ GIÁM ĐỐC
Đặng Thanh Tùng

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26.TN/0001-10

Trang/Page: 2/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

STT No	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Results
1	Kích thước cơ bản/ Basic dimensions - Đường kính ngoài/ Outside diameter - Đường kính trong/ Inside diameter	mm mm	TCVN 8699: 2011	159,5 124,4
2	Độ bền kéo đứt/ Tensile strength at break	N/cm ²	KSC 8455: 2005	2089
3	Độ bền màu/ Resistance to color NaOH 40%; NaCl 10% H ₂ SO ₄ 30%; HNO ₃ 30%		TCVN 8699: 2011	Không phai màu/ No change color
4	Độ bền nén / Compression strength		TCVN 8699: 2011	Độ biến dạng 2,9%/ Deformation 2,9% (Không nứt vỡ/ No cracking)
5	Lực đạt được khi nén mẫu biến dạng 60% đường kính ngoài/ Force measured when compressed to 60% of outside diameter	N	TCVN 8699: 2011	5639
6	Lực đạt được khi nén sát ống/ Force measured when compressed to close tube	N	TCVN 8699: 2011	6911
7	Độ bền điện áp tần số công nghiệp tại 10 kV/1 phút/ Tolerance voltage 10 kV/1 phút		TCVN 8699: 2011	Không bị phóng điện đánh thủng/ No punctured
8	Độ bền va đập ở 20°C/ Resistance to impact (h=2m; m = 3,75 kg)		Theo yêu cầu khách hàng/ Customer request	Không vỡ/ No breaking



*** Hết ***

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/JDV3/0001-11

Trang/Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

- Tên mẫu thử/ Name of sample:** Ống nhựa xoắn HDPE Ba An BFP 150/
Ba An HDPE Flexible Pipe BFP 150
- Khách hàng/ Customer :** Công ty Cổ phần Ba An/ Ba An Joint Stock Company
- Số lượng mẫu/ Quantity:** 01 mẫu/ 01 sample
- Ngày nhận mẫu/ Reception date:** 05/ 01/ 2026
- Tình trạng mẫu/ Description:** 01 đoạn ống nhựa dài 1,2 mét
- Thời gian thử nghiệm/ Test period:** Từ ngày 06/ 01/ 2026 đến ngày 16/ 01/ 2026
- Ngày hoàn thành/ Finish date:** 16/ 01/ 2026

Hà Nội, ngày 16/ 01/ 2026

15 GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR

TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG/
HEAD OF CONSUMER PRODUCTS TESTING LAB

Phạm Thúy Hằng



PHÓ GIÁM ĐỐC
Đặng Thanh Tùng

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN/3/0001-11

Trang/Page: 2/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

STT No	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Results
1	Kích thước cơ bản/ <i>Basic dimentions</i> - Đường kính ngoài/ <i>Outside diameter</i> - Đường kính trong/ <i>Inside diameter</i>	mm mm	TCVN 8699: 2011	192,2 149,6
2	Độ bền kéo đứt/ <i>Tensile strength at break</i>	N/cm ²	KSC 8455: 2005	2103
3	Độ bền màu/ <i>Resistance to color</i> NaOH 40%; NaCl 10% H ₂ SO ₄ 30%; HNO ₃ 30%		TCVN 8699: 2011	Không phai màu/ <i>No change color</i>
4	Độ bền nén / <i>Compression strength</i>		TCVN 8699: 2011	Độ biến dạng 3,3%/ <i>Deformation 3,3%</i> (Không nứt vỡ/ <i>No cracking</i>)
5	Lực đạt được khi nén mẫu biến dạng 60% đường kính ngoài/ <i>Force measured when compressed to 60% of outside diameter</i>	N	TCVN 8699: 2011	6331
6	Lực đạt được khi nén sát ống/ <i>Force measured when compressed to close tube</i>	N	TCVN 8699: 2011	7682
7	Độ bền điện áp tần số công nghiệp tại 10 kV/1 phút/ <i>Tolerance voltage 10 kV/1 phút</i>		TCVN 8699: 2011	Không bị phóng điện đánh thủng/ <i>No punctured</i>
8	Độ bền va đập ở 20°C/ <i>Resitance to impact</i> (<i>h=2m; m = 4,0 kg</i>)		Theo yêu cầu khách hàng/ <i>Customer request</i>	Không vỡ/ <i>No breaking</i>



*** Hết ***

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN3/0001-12

Trang/Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

- Tên mẫu thử/ Name of sample:** Ống nhựa xoắn HDPE Ba An BFP 160/
Ba An HDPE Flexible Pipe BFP 160
- Khách hàng/ Customer :** Công ty Cổ phần Ba An/ Ba An Joint Stock Company
- Số lượng mẫu/ Quantity:** 01 mẫu/ 01 sample
- Ngày nhận mẫu/ Reception date:** 05/ 01/ 2026
- Tình trạng mẫu/ Description:** 01 đoạn ống nhựa dài 1,2 mét
- Thời gian thử nghiệm/ Test period:** Từ ngày 06/ 01/ 2026 đến ngày 16/ 01/ 2026
- Ngày hoàn thành/ Finish date:** 16/ 01/ 2026

TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG/
HEAD OF CONSUMER PRODUCTS TESTING LAB

Phạm Thúy Hằng

Hà Nội, ngày 16/ 01/ 2026

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR



PHÓ GIÁM ĐỐC
Đặng Thanh Tùng

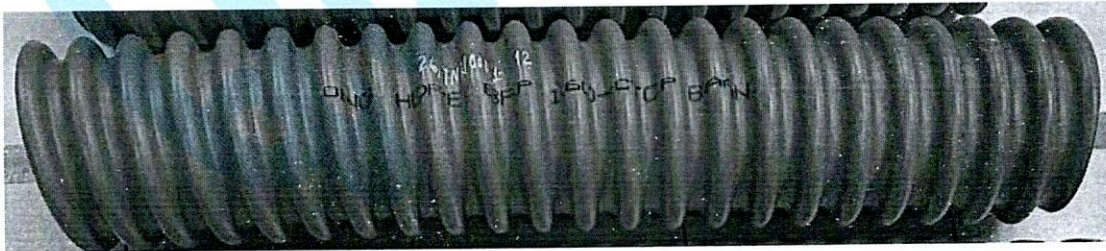
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN/1/0001-12

Trang/Page: 2/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

STT No	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Results
1	Kích thước cơ bản/ Basic dimensions - Đường kính ngoài/ Outside diameter - Đường kính trong/ Inside diameter	mm mm	TCVN 8699: 2011	201,5 159,5
2	Độ bền kéo đứt/ Tensile strength at break	N/cm ²	KSC 8455: 2005	2098
3	Độ bền màu/ Resistance to color NaOH 40%; NaCl 10% H ₂ SO ₄ 30%; HNO ₃ 30%		TCVN 8699: 2011	Không phai màu/ No change color
4	Độ bền nén / Compression strength		TCVN 8699: 2011	Độ biến dạng 3,3%/ Deformation 3,3% (Không nứt vỡ/ No cracking)
5	Lực đạt được khi nén mẫu biến dạng 60% đường kính ngoài/ Force measured when compressed to 60% of outside diameter	N	TCVN 8699: 2011	6616
6	Lực đạt được khi nén sát ống/ Force measured when compressed to close tube	N	TCVN 8699: 2011	8632
7	Độ bền điện áp tần số công nghiệp tại 10 kV/1 phút/ Tolerance voltage 10 kV/1 phút		TCVN 8699: 2011	Không bị phóng điện đánh thủng/ No punctured
8	Độ bền va đập ở 20°C/ Resistance to impact (h=2m; m = 4,0 kg)		Theo yêu cầu khách hàng/ Customer request	Không vỡ/ No breaking



*** Hết ***

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26./M3/0001-13

Trang/Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

- Tên mẫu thử/ Name of sample:** Ống nhựa xoắn HDPE Ba An BFP 175/
Ba An HDPE Flexible Pipe BFP 175
- Khách hàng/ Customer :** Công ty Cổ phần Ba An/ Ba An Joint Stock Company
- Số lượng mẫu/ Quantity:** 01 mẫu/ 01 sample
- Ngày nhận mẫu/ Reception date:** 05/ 01/ 2026
- Tình trạng mẫu/ Description:** 01 đoạn ống nhựa dài 1,2 mét
- Thời gian thử nghiệm/ Test period:** Từ ngày 06/ 01/ 2026 đến ngày 16/ 01/ 2026
- Ngày hoàn thành/ Finish date:** 16/ 01/ 2026

TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG/
HEAD OF CONSUMER PRODUCTS TESTING LAB

Phạm Thúy Hằng

Hà Nội, ngày 16/ 01/ 2026

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR



PHÓ GIÁM ĐỐC
Đặng Thanh Tùng

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN/0001-13

Trang/Page: 2/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

STT No	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Results
1	Kích thước cơ bản/ Basic dimensions - Đường kính ngoài/ Outside diameter - Đường kính trong/ Inside diameter	mm mm	TCVN 8699: 2011	229,4 174,9
2	Độ bền kéo đứt/ Tensile strength at break	N/cm ²	KSC 8455: 2005	2093
3	Độ bền màu/ Resistance to color NaOH 40%; NaCl 10% H ₂ SO ₄ 30%; HNO ₃ 30%		TCVN 8699: 2011	Không phai màu/ No change color
4	Độ bền nén / Compression strength		TCVN 8699: 2011	Độ biến dạng 2,8%/ Deformation 2,8% (Không nứt vỡ/ No cracking)
5	Lực đạt được khi nén mẫu biến dạng 60% đường kính ngoài/ Force measured when compressed to 60% of outside diameter	N	TCVN 8699: 2011	7135
6	Lực đạt được khi nén sát ống/ Force measured when compressed to close tube	N	TCVN 8699: 2011	8896
7	Độ bền điện áp tần số công nghiệp tại 10 kV/1 phút/ Tolerance voltage 10 kV/1 phút		TCVN 8699: 2011	Không bị phóng điện đánh thủng/ No punctured
8	Độ bền va đập ở 20°C/ Resistance to impact (h=2m; m = 5,0 kg)		Theo yêu cầu khách hàng/ Customer request	Không vỡ/ No breaking



*** Hết ***

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN\3/10001-14

Trang/Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

- Tên mẫu thử/ Name of sample:** Ống nhựa xoắn HDPE Ba An BFP 200/
Ba An HDPE Flexible Pipe BFP 200
- Khách hàng/ Customer :** Công ty Cổ phần Ba An/ Ba An Joint Stock Company
- Số lượng mẫu/ Quantity:** 01 mẫu/ 01 sample
- Ngày nhận mẫu/ Reception date:** 05/ 01/ 2026
- Tình trạng mẫu/ Description:** 01 đoạn ống nhựa dài 1,2 mét
- Thời gian thử nghiệm/ Test period:** Từ ngày 06/ 01/ 2026 đến ngày 16/ 01/ 2026
- Ngày hoàn thành/ Finish date:** 16/ 01/ 2026

TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG/
HEAD OF CONSUMER PRODUCTS TESTING LAB


Phạm Thúy Hằng

Hà Nội, ngày 16/ 01/ 2026
1/ GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR



PHÓ GIÁM ĐỐC
Đặng Thanh Hùng

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TDV3/10001-14

Trang/Page: 2/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

STT No	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Results
1	Kích thước cơ bản/ <i>Basic dimentions</i> - Đường kính ngoài/ <i>Outside diameter</i> - Đường kính trong/ <i>Inside diameter</i>	mm mm	TCVN 8699: 2011	259,2 200,5
2	Độ bền kéo đứt/ <i>Tensile strength at break</i>	N/cm ²	KSC 8455: 2005	2115
3	Độ bền màu/ <i>Resistance to color</i> NaOH 40%; NaCl 10% H ₂ SO ₄ 30%; HNO ₃ 30%		TCVN 8699: 2011	Không phai màu/ <i>No change color</i>
4	Độ bền nén / <i>Compression strength</i>		TCVN 8699: 2011	Độ biến dạng 3,4%/ <i>Deformation 3,4%</i> (Không nứt vỡ/ <i>No cracking</i>)
5	Lực đạt được khi nén mẫu biến dạng 60% đường kính ngoài/ <i>Force measured when compressed to 60% of outside diameter</i>	N	TCVN 8699: 2011	7605
6	Lực đạt được khi nén sát ống/ <i>Force measured when compressed to close tube</i>	N	TCVN 8699: 2011	9112
7	Độ bền điện áp tần số công nghiệp tại 10 kV/1 phút/ <i>Tolerance voltage 10 kV/1 phút</i>		TCVN 8699: 2011	Không bị phóng điện đánh thủng/ <i>No punctured</i>
8	Độ bền va đập ở 20°C/ <i>Resistance to impact</i> (<i>h=2m; m = 5,75 kg</i>)		Theo yêu cầu khách hàng/ <i>Customer request</i>	Không vỡ/ <i>No breaking</i>



*** Hết ***

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 2.6/DV3/0001-15

Trang/Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

- Tên mẫu thử/ Name of sample:** Ống nhựa xoắn HDPE Ba An BFP 250/
Ba An HDPE Flexible Pipe BFP 250
- Khách hàng/ Customer :** Công ty Cổ phần Ba An/ Ba An Joint Stock Company
- Số lượng mẫu/ Quantity:** 01 mẫu/ 01 sample
- Ngày nhận mẫu/ Reception date:** 05/ 01/ 2026
- Tình trạng mẫu/ Description:** 01 đoạn ống nhựa dài 1,2 mét
- Thời gian thử nghiệm/ Test period:** Từ ngày 06/ 01/ 2026 đến ngày 16/ 01/ 2026
- Ngày hoàn thành/ Finish date:** 16/ 01/ 2026

TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG/
HEAD OF CONSUMER PRODUCTS TESTING LAB


Phạm Thúy Hằng

Hà Nội, ngày 16/ 01/ 2026

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR



PHÓ GIÁM ĐỐC
Đặng Thanh Tùng

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26 / TN 3 / 0001 - 15

Trang/Page: 2/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

STT No	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Results
1	Kích thước cơ bản/ Basic dimensions - Đường kính ngoài/ Outside diameter - Đường kính trong/ Inside diameter	mm mm	TCVN 8699: 2011	319,5 249,5
2	Độ bền kéo đứt/ Tensile strength at break	N/cm ²	KSC 8455: 2005	2124
3	Độ bền màu/ Resistance to color NaOH 40%; NaCl 10% H ₂ SO ₄ 30%; HNO ₃ 30%		TCVN 8699: 2011	Không phai màu/ No change color
4	Độ bền nén / Compression strength		TCVN 8699: 2011	Độ biến dạng 3,2%/ Deformation 3,2% (Không nứt vỡ/ No cracking)
5	Lực đạt được khi nén mẫu biến dạng 60% đường kính ngoài/ Force measured when compressed to 60% of outside diameter	N	TCVN 8699: 2011	8141
6	Lực đạt được khi nén sát ống/ Force measured when compressed to close tube	N	TCVN 8699: 2011	9962
7	Độ bền điện áp tần số công nghiệp tại 10 kV/1 phút/ Tolerance voltage 10 kV/1 phút		TCVN 8699: 2011	Không bị phóng điện đánh thủng/ No punctured
8	Độ bền va đập ở 20°C/ Resistance to impact (h=2m; m = 7,5 kg)		Theo yêu cầu khách hàng/ Customer request	Không vỡ/ No breaking



*** Hết ***

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.